

Số: 31 /2019/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 11 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định quản lý nhà nước về giá
trên địa bàn thành phố Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 20/TTr-STC ngày 20/3/2019 về việc quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Văn bản số 2624/STC-GCS ngày 16/8/2019 về việc tiếp thu ý kiến, hoàn thiện thủ tục



ban hành Quyết định quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Báo cáo thẩm định số 09/BCTĐ-STP ngày 15/3/2019 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định quản lý nhà nước về giá trong lĩnh vực: Đăng ký giá; kê khai giá; hiệp thương giá; định giá nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Các quy định quản lý nhà nước về giá không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định tại Luật Giá và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng:

Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác quản lý giá trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Đăng ký giá, kê khai giá, hiệp thương giá

1. Biểu mẫu, trình tự đăng ký giá thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

2. Biểu mẫu, trình tự kê khai giá thực hiện theo quy định tại Khoản 10 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

3. Hồ sơ, trình tự hiệp thương giá thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

Điều 3. Định giá nhà nước đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố.

1. Trách nhiệm xây dựng phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân thành phố.

a) Sở Tài nguyên và Môi trường: Bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố, giá đất cụ thể để tính tiền cho thuê đất, thuê mặt nước (đối với các trường hợp thửa đất hoặc khu đất của dự án có giá trị tính theo giá đất trong bảng giá đất từ 30 tỷ đồng trở lên) theo quy định của Luật Đất đai; giá sản phẩm, dịch vụ



công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực tài nguyên môi trường; giá dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu; giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng thủy lợi đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước; giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp; giá nước sạch sinh hoạt nông thôn; giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; giá dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý.

c) Sở Xây dựng: Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở; giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực xây dựng, đô thị; giá nước sạch sinh hoạt đô thị; giá dịch vụ mai táng; giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

d) Sở Giao thông vận tải: Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước; giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực giao thông vận tải; giá cước vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt có trợ giá; giá dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước; giá dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; giá dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container, dịch vụ lai dắt thuộc khu vực cảng biển) do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa (trừ cảng cá)) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý.

đ) Sở Công Thương: Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách nhà nước; mức giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng



hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo; giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước; giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

e) Sở Tài chính: Giá nhà để tính lệ phí trước bạ; giá tính thuế tài nguyên.

f) Sở Thông tin và Truyền thông: Giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn thành phố.

g) Đối với giá sản phẩm, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành, Sở quản lý chuyên ngành chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các cơ quan, tổ chức liên quan để tham mưu, trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định quy định giá.

2. Trách nhiệm xây dựng phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Hội đồng nhân dân thành phố:

a) Sở Y tế: Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước (trừ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế);

b) Sở Giáo dục và Đào tạo: Giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập.

3. Trách nhiệm thẩm định:

a) Sở Tài chính: Thẩm định phương án giá do các Sở, ngành xây dựng trước khi trình Ủy ban nhân dân thành phố, Hội đồng nhân dân thành phố quyết định theo thẩm quyền (trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này);

b) Hội đồng thẩm định giá đất thành phố: Thẩm định bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố; bảng giá đất điều chỉnh; giá đất cụ thể theo quy định của Luật Đất đai trước khi trình Ủy ban nhân dân thành phố, Hội đồng nhân dân thành phố quyết định theo thẩm quyền;

4. Sau khi có ý kiến thẩm định phương án giá, các Sở, ngành hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân thành phố, Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trừ quy định về giá đất cụ thể.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2019 và thay thế Quyết định số 1577/2015/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn thành phố Hải Phòng.



3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện; các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Khoản 3 Điều 4;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Thành ủy, TT HĐND TP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hải Phòng;
- CT, các PCT UBND TP;
- Báo HP, Báo ANHP, Đài PTTH HP, Cổng Thông tin điện tử TP;
- C, PVP;
- Các Phòng chuyên viên;
- CV: DN;
- Lưu: VT. ✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng